

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH VIGLACERA ĐÁP CẦU

(Kèm theo công văn số 02/TT-NĐD ngày 18 tháng 03 năm 2021)

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
1	Phần I. Điều 1. Giải thích từ ngữ		
	Điểm b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	Luật mới được ban hành
	Điểm c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	
	Điểm e. "Người điều hành doanh nghiệp" hoặc "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác <i>theo quy định của Điều lệ công ty</i>	"Người điều hành doanh nghiệp" hoặc "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác <i>do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm</i>	Luật DN cho phép Điều lệ quy định thêm người khác, sửa đổi để phù hợp với Điều 34 của ĐL
	Điểm h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết	"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.	Điều 2 quy định Công ty hoạt động vô thời hạn nên không có việc gia hạn
	Điểm k. Chưa có	Bổ sung Điểm k. Công ty" là Công ty cổ phần Kính Đáp Cầu, là loại hình công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan	Bổ sung vì thuật ngữ "Công ty" sẽ sử dụng thường xuyên trong Điều lệ
2	Phần II. Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty		
	Khoản 1. Tên Công ty - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH VIGLACERA ĐÁP CẦU - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIGLACERA-DAP CAU SHEET GLASS JOINT-STOCK COMPANY - Tên Công ty viết tắt: VIGLACERA DAP CAU CO., LTD	Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH ĐÁP CẦU - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DAP CAU SHEET GLASS JOINT-STOCK COMPANY - Tên Công ty viết tắt: DAP CAU CO., LTD	Đổi tên do chấm dứt Hợp đồng li-xãng với Tổng công ty Viglacera-CTCP
	Khoản 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Khoản 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Do đã quy định là thời gian hoạt động là vô thời hạn
3	Phần III. Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Bổ sung mã ngành cho từng ngành nghề, dựa trên Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Giấy chứng nhận đăng ký ngành nghề được cấp kèm theo Giấy chứng nhận ĐKKD	

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
4	Phần IV. Điều 8. Sử dụng thương hiệu và logo của Tổng Công ty Viglacera-CTCP	Bỏ điều này	Chấm dứt Hợp đồng li-xăng với Tổng công ty Viglacera-CTCP
5	Phần V. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 9 đến Điều 13</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 8 đến Điều 12</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên.
	Khoản 6 Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp <i>phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá</i>	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp <i>Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</i>	Sửa theo khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu hướng dẫn Khoản 3 Điều 124 Luật DN 2020
	Khoản 3 Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu <i>lần đầu.</i>	Để phù hợp với khoản 4 bên dưới quy định cổ đông phải chịu mọi chi phí đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới
	Khoản 4. Điều 9 Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <i>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</i> <i>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</i> <i>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới</i>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC mới bổ sung.

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	<p>Khoản 1 Điều 12. Thu hồi cổ phần</p> <p>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty</p>	<p>Trường hợp cổ đông <i>hoặc người có quyền mua cổ phần</i> không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông <i>hoặc người</i> đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty</p>	<p>Sửa theo quy định của Điều 10 Điều lệ mẫu quy định về thu hồi CP để áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, nhưng TCT đã thành lập và chào bán xong từ lâu nên không cần quy định riêng đó.</p>
	<p>Khoản 2 Điều 12. Thu hồi cổ phần</p> <p>Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi</p>	<p>Thông báo thanh toán nêu tại <i>khoản 1 Điều này</i> phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi</p>	<p>Điều 9 này đang quy định chung v/v thu hồi CP trong tất cả các đợt chào bán.</p> <p>Do vậy, nếu cần để quy định này, nên sửa cho phù hợp. (NĐT chỉ được coi là cổ đông khi đã thanh toán đủ tiền mua CP; CP chưa được thanh toán đủ sẽ coi là CP có quyền chào bán);</p>
	<p>Khoản 3 Điều 12</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền <i>thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện</i>. Việc <i>thu hồi</i> này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị <i>thu hồi</i> mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm <i>thu hồi</i>. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi <i>hủy bỏ</i> theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này</p>	<p>Khoản 3. Điều 12</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền <i>hủy bỏ việc bán các cổ phần cho cổ đông hoặc người có quyền mua cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo các yêu cầu trong thông báo nêu trên tại khoản 2 Điều này</i>. Việc <i>hủy bỏ</i> này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị <i>hủy bỏ</i> mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm <i>hủy bỏ</i>. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi <i>hủy bỏ</i> theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này</p>	
	<p>Khoản 4 Điều 12</p> <p>Cổ phần bị <i>thu hồi</i> được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 <i>Điều 111</i> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</p>	<p>Cổ phần bị <i>hủy bỏ</i> được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 <i>Điều 112</i> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</p>	
	<p>Khoản 5 Điều 12</p> <p>Cổ đông <i>không được công nhận nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ</i> tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ 12% một năm vào thời điểm <i>thu hồi</i> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày <i>thu hồi</i> cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm <i>thu hồi</i> hoặc có thể</p>	<p>Cổ đông <i>hoặc người có quyền mua cổ phần không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 2 Điều này không được công nhận</i> tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ 12% một năm vào thời điểm <i>hủy bỏ</i> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày <i>hủy bỏ</i> cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm <i>hủy bỏ</i> hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	
	Khoản 6 Điều 12 Thông báo hủy bỏ thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị <i>thu hồi</i> trước thời điểm <i>thu hồi</i> . Việc <i>thu hồi</i> vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo	Thông báo hủy bỏ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị <i>hủy bỏ</i> trước thời điểm <i>hủy bỏ</i> . Việc <i>hủy bỏ</i> vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo	
6	Phần VII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 15 đến Điều 27</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 14 đến Điều 26</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung .	Do bỏ Điều 8 nêu trên
6.1	Điều 14. Quyền của cổ đông		
	Điểm e Khoản 2 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <i>liên quan đến cổ đông</i> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <i>về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu</i> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình	Sửa đổi theo Điểm đ khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020
	Bổ sung các Điểm j, k, l	j) <i>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i> k) <i>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i> l) <i>Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu công ty niêm yết
	Khoản 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau. Bổ sung các điểm e, f	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau e) <i>Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</i> f) <i>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công</i>	Khoản 2 Điều 115 Luật DN bỏ thời hạn nắm giữ cổ phần Khoản 5 Điều 115 Luật DN quy định 10% hoặc một tỷ lệ nhỏ hơn do Điều lệ quy định. Hiện tại Điều lệ đã quy định là 5% nên giữ nguyên Bổ sung các Điểm e, f theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu mới

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
		<i>ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</i>	
6.2	Điều 15. Nghĩa vụ cổ đông Bổ sung các Khoản 7, 8	<p>7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Hướng dẫn tại khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu Công ty niêm yết và theo quy định mới tại khoản 5 Điều 119 Luật DN 2020</p> <p>Hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật DN 2020</p>
6.3	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo <i>đề nghị</i> của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo <i>quyết định</i> của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Sửa đổi theo Theo khoản 2 Điều 139 Luật DN 2020
	Khoản 2.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</i>	Khoản 2.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.</i>	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu công ty niêm yết.

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	Điểm a Khoản 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. <i>Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</i>	Bổ sung theo điểm a khoản 4 Điều 160 Luật DN 2020
6.4	Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b) Báo cáo của Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Ban kiểm soát; d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	a) <i>Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</i> b) <i>Báo cáo tài chính hằng năm;</i> c) <i>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i> d) <i>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;</i> e) <i>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</i>	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 139 Luật DN 2020
	Khoản 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:		
	Điểm a. Thông qua báo cáo tài chính năm	Thông qua định hướng phát triển của Công ty	BCTC năm đã được nêu tại khoản 1, còn bổ sung nội dung định hướng phát triển công ty được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Luật DN
	Điểm c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	
	Điểm d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập	Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	Theo điểm m khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu, hướng dẫn điểm m khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	Điểm g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;	<i>Ban hành mới</i> , Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	Làm rõ thẩm quyền của Đại hội cổ đông và theo Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020
	Điểm o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Điểm o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; <i>Hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp</i>	Sửa theo Điểm b khoản 5 Điều 41 của Điều lệ này quy định 20% (Điều 167 Luật DN cho phép ĐL quy định nhỏ hơn 35%) Bổ sung theo nội dung mới của khoản 3 điều 167 Luật DN 2020
6.5	Điều 18. Đại diện theo ủy quyền Khoản 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <i>theo mẫu của Công ty</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	Khoản 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <i>theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	Theo khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu, hướng dẫn khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020
6.6	Điều 19. Thay đổi các quyền Khoản 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.	Khoản 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i>	Theo khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu, hướng dẫn khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020
6.7	Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:		
	Điểm a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</i>	Bổ sung theo Điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu hướng dẫn quy định mới tại khoản 1 Điều 273 Nghị định 155

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	<p>Khoản 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>mười (10) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Khoản 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>hai mươi một (21) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu hướng dẫn quy định mới tại khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p><i>Điểm d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</i></p>	<p>Bỏ điểm này.</p>	<p>Bỏ mẫu chỉ định ủy quyền vì khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020 quy định ủy quyền thực hiện theo pháp luật dân sự</p>
	<p>Khoản 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau</p> <p>Điểm b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này</p>	<p>Điểm b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này</p>	
6.8	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>		
	<p>Khoản 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% <i>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</i></p>	<p>Khoản 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% <i>tổng số phiếu biểu quyết.</i></p>	<p>Sửa theo Điều 19 Điều lệ mẫu hướng dẫn Điều 145 của Luật DN 2020</p>
	<p>Khoản 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. <i>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại</i></p>	<p>Khoản 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết <i>theo khoản 2 Điều này</i> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp thì <i>thông báo mời họp lần thứ hai phải được</i></p>	<p>Sửa theo Điều 19 Điều lệ mẫu hướng dẫn Điều 145 của Luật DN 2020</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	<i>trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</i>	<i>gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</i>	
	Khoản 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Khoản 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	Sửa theo Điều 19 Điều lệ mẫu hướng dẫn Điều 145 của Luật DN 2020
6.9	Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp	Khoản 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 146 Luật DN 2020
	Khoản 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những	Khoản 3. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến	Sửa theo khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi	muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi	
	<p>Khoản 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <i>hoặc ủy quyền cho Thành viên hội đồng quản trị khác</i> làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b) <i>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này</i>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c) <i>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</i></p> <p>d) <i>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</i></p>	
	Khoản 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp	<p>Chủ tọa đại hội có có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	Sửa theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu hướng dẫn khoản 7 Điều 146 Luật DN 2020

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	Khoản 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây: a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu hướng dẫn khoản 8, 9 Điều 146 Luật DN 2020
	Khoản 9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:	<i>Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</i>	Sửa theo khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu hướng dẫn khoản 4 Điều 146 Luật DN 2020
	Khoản 10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể	Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên bao gồm cả họp trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu, để phù hợp khi cần thiết tổ chức họp trực tuyến
6.10	Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, khoản 1 Điều 19 và khoản 9 Điều 24, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật DN 2020 và các quy định tại các Điều sửa đổi liên quan
	Khoản 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Để phù hợp với Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
6.11	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <i>ít nhất</i> mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <i>chậm nhất</i> mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này	Làm rõ thời gian gửi
	Khoản 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây Điểm g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa theo Khoản 3 Điều 149 Luật DN 2020
	Khoản 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây Điểm e. Các vấn đề đã được thông qua Điểm f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty , người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu	Các vấn đề đã được thông qua và <i>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu	Sửa đổi Bổ sung theo điểm đ khoản 5 Điều 149 Luật DN 2020
6.12	Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 1; bổ sung sau các điểm từ a – i: Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng	Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</i>	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu hướng dẫn quy định mới tại khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	Khoản 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <i>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</i> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu hướng dẫn quy định mới tại khoản 3 Điều 150 Luật DN 2020
	Khoản 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <i>công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc</i> gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <i>công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</i> và được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp	Sửa đổi theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu hướng dẫn quy định của Luật chứng khoán về công bố thông tin
7	Phần VIII. Hội đồng quản trị	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 29 đến Điều 34</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 28 đến Điều 33</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
7.1	Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị		
	Khoản 1.” ... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây”: Bổ sung điểm j	j) <i>Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);</i>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu
	Khoản 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên	Khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020 bỏ quy định về thời gian nắm giữ cổ phiếu
7.2	Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	Khoản 2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: Điểm g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;	Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, <i>phá sản</i> Công ty;	Sửa đổi theo điểm q khoản 2 Điều

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	Điểm h. Quyết định <i>quy chế nội bộ về quản trị công ty</i> sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận <i>thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông</i>	Quyết định và ký ban hành <i>Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và quy chế nội bộ về quản trị công ty</i> sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	27 Điều lệ mẫu hướng dẫn điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020
	Điểm k. Đề xuất các loại cổ phần <i>phát hành</i> và tổng số cổ phần <i>phát hành</i> theo từng loại	Đề xuất các loại cổ phần <i>chào bán</i> và tổng số cổ phần <i>chào bán</i> theo từng loại;	
	Bổ sung điểm p, q	p) <i>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i> q) <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ</i>	Quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020
7.3	Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị Bổ sung Khoản 4.	4. <i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i>	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 29 ĐL mẫu hướng dẫn khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020
7.4	Điều 32. Cuộc họp của HĐQT		
	Khoản 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và <i>quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</i>	Sửa đổi theo khoản 4 Điều 30 ĐL mẫu hướng dẫn khoản 3 Điều 157 Luật DN 2020
	Khoản 15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi	Bổ sung theo khoản 2 Điều 158 Luật DN 2020

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	biên bản. <i>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực</i>	
8	Phần IX. Tổng giám đốc, Người điều hành khác và Thư ký Công ty	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 35 đến Điều 38</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 34 đến Điều 37</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
8.1	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc		
	Khoản 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau	Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo <i>khoản 3 điều 162 Luật doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau đây</i>	Làm rõ hơn quy định của pháp luật
8.2	Điều 36. Thư ký Công ty		
	Điểm a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát	<i>Hỗ trợ, tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát</i>	
	Bổ sung các điểm d, e, f	<i>d) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; e) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; f) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</i>	Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật DN 2020
9	Phần X. Ban Kiểm soát	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 38 đến Điều 40</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 37 đến Điều 39</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
9.1	Điều 37. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên Khoản 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua <i>trước khi tiến hành đề cử</i>	Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua <i>trước khi biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</i>	Sửa theo khoản 2 Điều 36 ĐL mẫu
10	Phần XI. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác	Điều chỉnh số thứ tự các <i>Điều 41 đến Điều 43</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 40 đến Điều 42</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
10.1	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
	Khoản 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin	Sửa đổi bổ sung theo khoản 3 Điều 47 ĐL mẫu hướng dẫn Điều 164 Luật DN 2020
	Khoản 5. “Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với ... không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây”		
	Điểm a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan	Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	Bổ sung theo tinh thần quy định tại khoản 6 Điều 47 ĐL mẫu. Bổ sung theo quy định mới tại khoản 3 Điều 167 Luật DN 2020
	Điểm b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã	Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, hoặc giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh	Bổ sung theo tinh thần quy định tại khoản 6 Điều 47 ĐL mẫu. Bổ sung theo quy định mới tại khoản 3 Điều 167 Luật DN 2020

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này	<i>nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này</i>	
10.2	Điều 42. Trách nhiệm về bồi thường Bỏ Khoản 3	Do đã trùng với Khoản 2 Điều này	
11	Phần XII. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty (Điều 43)	Điều chỉnh số thứ tự <i>Điều 44</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 43</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
	Khoản 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này	<i>Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:</i> <i>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i>	Bổ sung, sửa đổi theo khoản 1 Điều 49 ĐL mẫu
12	Phần XIV. Phân phối lợi nhuận (Điều 45)	Điều chỉnh số thứ tự <i>Điều 46</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 45</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
	Khoản 4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân	Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung	Sửa theo tên gọi thực tế đã thay đổi và theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 51 Điều lệ mẫu

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
	hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	
13	Phần XVI. Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin	Điều chỉnh số thứ tự các Điều 50 đến Điều 51 Điều lệ hiện nay thành Điều 49 đến Điều 50 Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
13.1	Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý Khoản 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.	Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Sửa theo khoản 1 Điều 55 ĐL mẫu vì các quy định về CBTT đã thay đổi theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
14	Phần XVIII. Con dấu (Điều 52)	Điều chỉnh số thứ tự Điều 53 Điều lệ hiện nay thành Điều 52 Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên
	Khoản 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.	Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử	Sửa đổi Bổ sung theo Khoản 1 Điều 58 ĐL Mẫu hướng dẫn khoản 1 Điều 43 Luật DN 2020
15	Phần XIX. Chấm dứt hoạt động và thanh lý	Điều chỉnh số thứ tự các Điều 54 đến Điều 56 Điều lệ hiện nay thành Điều 53 đến Điều 54 Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Do bỏ Điều 8 nêu trên và bỏ 1 Điều ở Phần này
15.1	Điều 55. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua	Bỏ điều này	Điều 2 của Điều lệ đã quy định Công ty hoạt động vô thời hạn nên không cần nội dung gia hạn hoạt động

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	LÝ DO
15.2	<p>Điều 54. Thanh lý</p> <p>Khoản 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty</p>	<p>Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>Điều 2 của Điều lệ đã quy định Công ty hoạt động vô thời hạn</p>
16	<p>Phần XXII. Ngày hiệu lực (Điều 57)</p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự <i>Điều 59</i> Điều lệ hiện nay thành <i>Điều 57</i> Điều lệ sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Do bỏ Điều 8, Điều 56</p>
	<p>Khoản 1. Bản điều lệ này gồm hai mươi hai (22) chương, <i>năm mươi chín (59) điều</i>, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kính <i>Viglacera Đáp Cầu</i> thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2019 tại Bắc Ninh và thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đó</p>	<p>Bản điều lệ này gồm hai mươi hai (22) chương, <i>năm mươi bảy (57) điều</i>, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần <i>Kính Đáp Cầu</i> thông qua ngày ...tháng ... năm ...tại Bắc Ninh và thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đó</p>	<p>Do hiệu chỉnh bỏ Điều 8, Điều 56 và điều chỉnh tên công ty</p>
17	<p>Các nội dung hiệu chỉnh khác</p>	<p>Hiệu chỉnh số thứ tự các Điều khoản của Điều lệ; Các Điều khoản, mục, điểm ... của luật, nghị định và các văn bản pháp luật liên quan theo các quy định pháp luật mới ban hành, có hiệu lực từ 1/1/2021.</p>	